

# Phương pháp luận Xếp hạng Tín nhiệm: Ngân hàng Việt Nam

Cập nhật: Tháng 04 năm 2025



# Kết luận chung

Phương pháp luận này được phát triển bởi FiinRatings và được góp ý bởi các chuyên gia từ S&P Global Ratings. Đây là bộ tiêu chí trình bày phương pháp luận của FiinRatings để xác định điểm XHTN (“XHTN”) của tổ chức phát hành (Issuer Credit Rating - ICR) và công cụ nợ (‘Issue Rating’) đối với tổ chức tín dụng là ngân hàng tại Việt Nam. Bộ tiêu chí nhằm mục đích hướng dẫn chung để giúp các công ty, nhà đầu tư và các thành viên tham gia thị trường khác hiểu được cách FiinRatings xem xét các yếu tố định lượng và định tính trong việc đưa ra kết quả xếp hạng.

- Bộ tiêu chí đưa ra quy trình phân tích dựa trên khung phân tích chung và nêu rõ các bước trong việc xây dựng mốc XHTN độc lập (Stand-Alone Credit Profile - SACP) và mốc XHTN tổ chức phát hành (ICR) đối với các ngân hàng, tuân theo các quy chuẩn và thông lệ quốc tế.
- FiinRatings sử dụng cách tiếp cận dựa trên nguyên tắc để xếp hạng và giám sát xếp hạng nội địa, tuân theo các quy chuẩn và thông lệ quốc tế. Những tiêu chuẩn chung này áp dụng cho việc xếp hạng tất cả các loại hình doanh nghiệp và loại tài sản. Tuy nhiên, đối với từng loại hình tổ chức phát hành và công cụ nợ, FiinRatings có các bộ tiêu chí riêng và cụ thể hơn để đưa ra XHTN.
- FiinRatings đưa ra mức XHTN cho cả tổ chức phát hành và công cụ nợ, và đồng thời đảm bảo tính so sánh tương quan của kết quả XHTN giữa các nhóm ngành và tính so sánh theo thời gian. Điều này nghĩa là, với mỗi ký hiệu mốc điểm XHTN mà FiinRatings quy định đều biểu thị cùng một mức tín nhiệm chung đối với các tổ chức phát hành và các công cụ nợ nội địa đã được đánh giá trong các lĩnh vực khác nhau và tại các thời điểm khác nhau.
- Phương pháp tiếp cận của FiinRatings để xếp hạng các ngân hàng bao gồm việc đánh giá toàn diện các chỉ tiêu. Một số chỉ tiêu cốt lõi được đánh giá có ảnh hưởng lớn đến chất lượng tín dụng của 1 ngân hàng trong khi các chỉ tiêu còn lại có tính chất bổ sung. FiinRatings phân tích và đưa ra các kịch bản dự phóng về hiệu quả hoạt động của các ngân hàng dựa trên các chỉ tiêu này trong quá trình thực hiện XHTN.
- Nếu quý vị có bất cứ câu hỏi/ thắc mắc nào, xin vui lòng liên hệ Bộ phận Phân tích XHTN của chúng tôi qua website <https://fiinratings.vn/ContactUs> hoặc email [support.fiinratings@fiingroup.vn](mailto:support.fiinratings@fiingroup.vn)

# Nội dung



1. Phạm vi Xếp hạng Tín nhiệm

2. Phương pháp luận

- Xếp hạng Tổ chức phát hành
- Xếp hạng Công cụ nợ

3. Các tiêu chí Định lượng chính



**FiinRatings®**  
ENLIGHTEN THE MARKET

# Nội dung

## 1. Phạm vi Xếp hạng Tín nhiệm



**FiiRatings®**  
ENLIGHTEN THE MARKET

## Phạm vi xếp hạng tín nhiệm

### Xếp hạng tín nhiệm tổ chức phát hành

- **Định nghĩa:** Xếp hạng tín nhiệm tổ chức phát hành của FiinRatings là một quan điểm dự phóng về mức độ tín nhiệm tổng thể của doanh nghiệp. XHTN quốc gia và XHTN doanh nghiệp đều là XHTN tổ chức phát hành.
- **Phạm vi đánh giá:** Ý kiến này tập trung vào năng lực và sự sẵn sàng đáp ứng các cam kết tài chính khi đến hạn.
- **Ngoài phạm vi:** Nó không áp dụng cho bất kỳ nghĩa vụ tài chính cụ thể nào, vì nó không tính đến bản chất và cam kết cụ thể của nghĩa vụ nợ, tình trạng phá sản, các ưu đãi theo luật định, hoặc tính hợp pháp và khả năng thực thi của nghĩa vụ.

### Xếp hạng tín nhiệm công cụ nợ

- **Định nghĩa:** Xếp hạng Tín nhiệm công cụ nợ của FiinRatings là một quan điểm dự phóng về mức độ tín nhiệm của tổ chức phát hành đối với một nghĩa vụ tài chính cụ thể, hoặc một chương trình tài trợ cụ thể (bao gồm xếp hạng đối với các khoản nợ trung hạn và các thương phiếu).
- **Đối tượng đánh giá:** Phương pháp xem xét mức độ tín nhiệm của doanh nghiệp bảo lãnh, doanh nghiệp bảo hiểm hoặc các điều khoản tăng cường tín dụng khác đối với nghĩa vụ nợ, cũng như đơn vị tiền tệ của khoản nợ.
- **Phạm vi đánh giá:** Ý kiến này phản ánh quan điểm của FiinRatings về năng lực và sự sẵn sàng đáp ứng các cam kết tài chính của tổ chức phát hành khi nghĩa vụ nợ đến hạn và bao gồm đánh giá các điều khoản, chẳng hạn như tài sản thế chấp và thứ tự ưu tiên, có thể ảnh hưởng đến việc thanh toán trong trường hợp mất khả năng thanh toán nghĩa vụ nợ.

## Mô hình hoạt động phổ biến của ngân hàng tại Việt Nam

Phương pháp luận này được ứng dụng với các ngân hàng thương mại và các loại ngân hàng khác được quy định trong luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được bởi Quốc hội ban hành. Các định chế tài chính phi ngân hàng không được đánh giá theo phương pháp này mà theo [Phương pháp Xếp hạng tín nhiệm Định chế tài chính phi ngân hàng](#).

Ngân hàng là loại hình tổ chức tín dụng ở Việt Nam, tham gia tất cả các hoạt động ngân hàng bao gồm (i) nhận tiền gửi; (ii) Cấp tín dụng; (iii) Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản. Ngân hàng huy động vốn bằng cách thu hút nguồn tiền gửi chi phí thấp từ khách hàng cá nhân và đã xây dựng mạng lưới chi nhánh rộng khắp để phục vụ khách hàng. Hoạt động cho vay của ngân hàng là một hình thức cấp tín dụng, được phản ánh trong cơ cấu nợ đa dạng bao gồm đối tượng vay là các hộ gia đình và doanh nghiệp. Hoạt động của ngân hàng được quy định và giám sát chặt chẽ bởi Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam (SBV).

Các đơn vị được xếp hạng theo phương pháp này thường có các đặc điểm phổ biến sau: khung pháp lý theo chuẩn khung ngân hàng; được giám sát về những tiêu chuẩn vốn và thanh khoản, kiểm tra và thanh tra thường xuyên; tính toán và công khai các chỉ số vốn như tỷ lệ an toàn vốn, tỷ lệ dư nợ tín dụng trên vốn huy động từ tiền gửi; thành viên của hệ thống thanh toán; nguồn vốn huy động dồi dào và tiếp cận với nguồn vốn từ ngân hàng Nhà nước.

# Nội dung



## 2. Phương pháp luận

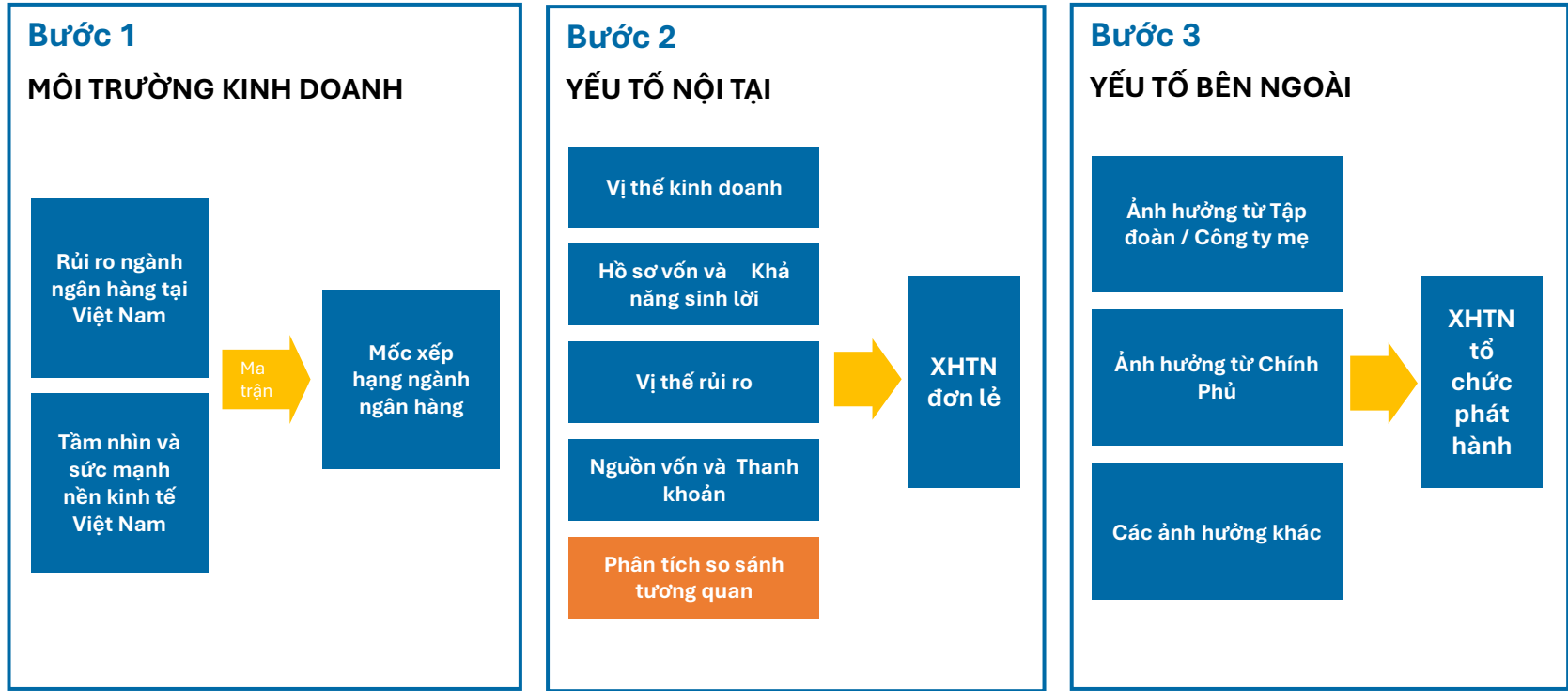
- Xếp hạng Tổ chức phát hành



**FiinRatings®**  
ENLIGHTEN THE MARKET

Khung xếp hạng và tiêu chí xếp hạng được FiinRatings xây dựng với sự hỗ trợ của S&P Global Ratings và điều chỉnh để phản ánh phù hợp với thị trường Việt Nam

Các yếu tố cụ thể về tổ chức phát hành bao gồm: 1) Vị thế kinh doanh; 2) Hồ sơ vốn và khả năng sinh lời; 3) Vị thế rủi ro; 4) Nguồn vốn và Thanh khoản. Hình minh họa dưới đây là khung xếp hạng cho các ngân hàng.



| Thang điểm FiinRatings |
|------------------------|
| AAA                    |
| AA+                    |
| AA                     |
| AA-                    |
| A+                     |
| A                      |
| A-                     |
| BBB+                   |
| BBB                    |
| BBB-                   |
| BB+                    |
| BB                     |
| BB-                    |
| B+                     |
| B                      |
| B-                     |
| CCC+                   |
| CCC                    |
| CCC-                   |
| CC                     |

Nguồn: FiinRatings

Ghi chú:

- Xếp hạng cơ bản ngành (Anchor): những rủi ro kinh tế và ngành mà các công ty trong ngành phải đối mặt
- Hồ sơ XHTN đơn lẻ ("SACP"): mức độ tín nhiệm của tổ chức phát hành trong trường hợp không có tác động (tích cực hay tiêu cực) của các yếu tố bên ngoài
- XHTN tổ chức phát hành ("ICR"): mức độ tín nhiệm tổng thể của tổ chức phát hành khi rà soát và đánh giá mọi thông tin liên quan

Bước 1: Xác định mốc XHTN cơ bản ngành Ngân hàng

Bước đầu tiên trong quy trình XHTN là xác định mốc XHTN (đánh giá rủi ro) ngành Ngân hàng, là đánh giá kết hợp Tình hình và tiềm năng tăng trưởng của nền kinh tế cùng với mức độ Rủi ro ngành Ngân hàng

| Mốc XHTN ngành Ngân hàng tại Việt Nam |                                                    |          |          |            |          |          |
|---------------------------------------|----------------------------------------------------|----------|----------|------------|----------|----------|
| Rủi ro ngành Ngân hàng                | Tình hình và tiềm năng tăng trưởng của nền kinh tế |          |          |            |          |          |
|                                       | Rất tốt                                            | Tốt      | Phù hợp  | Trung bình | Yếu      | Rất yếu  |
| Mức rủi ro rất thấp                   | AAA/AA+                                            | AA+/AA   | AA/AA-   | AA-/A+     |          |          |
| Mức rủi ro thấp                       | AA/AA-                                             | AA-/A+   | A+/A     | A/A-       | A-/BBB+  |          |
| Mức rủi ro trung bình                 | A+/A                                               | A/A-     | A-/BBB+  | BBB+/BBB   | BBB/BBB- | BBB-/BB+ |
| Mức rủi ro cao                        |                                                    | BBB+/BBB | BBB/BBB- | BBB-/BB+   | BB+/BB   | BB/BB-   |
| Mức rủi ro rất cao                    |                                                    |          | BB+/BB   | BB/BB-     | BB-/B+   | B+/B     |



Các yếu tố kinh tế

**Khả năng chống chọi của nền kinh tế**  
Cơ cấu và độ ổn định của nền kinh tế, tính linh hoạt của các chính sách vĩ mô

Các yếu tố ngành ngân hàng

|                                |                                                                                                                                                      |
|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Khung pháp lý</b>           | Quy định pháp luật và công tác giám sát ngành Ngân hàng, sự phát triển của các khung pháp lý liên quan                                               |
| <b>Môi trường cạnh tranh</b>   | Khẩu vị rủi ro ngành ngân hàng; độ ổn định của ngành; sự hiện diện của các yếu tố làm biến dạng thị trường; chất lượng tín dụng của các doanh nghiệp |
| <b>Nguồn vốn toàn hệ thống</b> | Các nguồn vốn nước ngoài; thị trường vốn trong nước; các rủi ro huy động vốn; vai trò của chính phủ                                                  |

Bước 2: Yếu tố nội tại: Điều chỉnh từ mức XHTN ngành

FiinRatings thực hiện điều chỉnh từ Mốc XHTN ngành của các ngân hàng để xác định Mức XHTN đơn lẻ

Bảng dưới đây minh họa cách FiinRatings thực hiện điều chỉnh cho các yếu tố nội tại của các ngân hàng.

| Mức điều chỉnh                                                 | HỒ SƠ DOANH NGHIỆP                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                | Vị thế kinh doanh                                                                                                                                                                   | Hồ sơ vốn và Khả năng sinh lời                                                                                                                                   | Vị thế rủi ro                                                                                                                                                     | Nguồn vốn và Thanh khoản                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>Rất tốt</b><br>(+2 và trong một số trường hợp đặc biệt, +3) | Vị thế kinh doanh rất ổn định với hoạt động kinh doanh đa dạng; Công ty có khả năng chịu được các biến động mạnh trong hoạt động kinh doanh                                         | Các chỉ số an toàn vốn được điều chỉnh bởi FiinRatings cao hơn đáng kể so với trung bình ngành trong vòng 12 tháng tiếp theo                                     | Khẩu vị rủi ro rất thấp và chất lượng tài sản nhìn chung ít nhạy cảm với chu kỳ kinh tế Việt Nam                                                                  | Không áp dụng                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>Tốt</b><br>(+1)                                             | Vị thế kinh doanh khá ổn định với hoạt động kinh doanh tương đối đa dạng; Có khả năng chống chịu biến động tốt hơn so với trung bình ngành                                          | Các chỉ số an toàn vốn được điều chỉnh cao hơn trung bình ngành trong vòng 12 tháng tiếp theo                                                                    | Khẩu vị rủi ro thận trọng và chất lượng tài sản tốt hơn trung bình ngành xuyên suốt chu kỳ kinh tế                                                                | Huy động vốn từ tiền gửi cá nhân tốt; Ít phụ thuộc vào nguồn vốn bán buôn hơn trung bình ngành, khả năng quản lý thanh khoản ở mức hiệu quả so với trung bình ngành với các chỉ số thanh khoản vượt trội, đến từ niềm tin của các nhà đầu tư.                                          |
| <b>Phù hợp</b><br>(+0)                                         | Vị thế kinh doanh tương đối ổn định với hoạt động kinh doanh có sự đa dạng nhất định; Năng lực kinh doanh ở mức tương đương với trung bình ngành                                    | Các chỉ số an toàn vốn được điều chỉnh tương đương với mức trung bình ngành và có khả năng đáp ứng yêu cầu vốn tối thiểu theo luật trong vòng 12 tháng tiếp theo | Năng lực quản trị rủi ro và chất lượng tài sản tương đương với mức trung bình ngành                                                                               | Cơ cấu vốn và thanh khoản ở mức tương đương so với mức trung bình của ngành. Khả năng thanh khoản tốt đáp ứng yêu cầu hoạt động bình thường và đạt yêu cầu tuần thủ kể cả khi thị trường có diễn biến tiêu cực.                                                                        |
| <b>Trung bình</b><br>(-1)                                      | Vị thế kinh doanh có sự ổn định nhất định, tuy nhiên không có sự đa dạng trong kinh doanh; Dễ bị tác động hơn bởi các điều kiện kinh doanh không thuận lợi so với trung bình ngành. | Các chỉ số an toàn vốn được điều chỉnh có thể thấp hơn trung bình ngành trong vòng 12 tháng tiếp theo                                                            | Khẩu vị rủi ro cao hơn và chất lượng tài sản có thể thấp hơn so với mức trung bình ngành                                                                          | Cơ cấu vốn và thanh khoản ở mức thấp hơn so với mức trung bình của ngành. Tuy vậy, vẫn có thể hoạt động bình thường và đáp ứng yêu cầu tối thiểu về thanh khoản trong điều kiện thị trường bình thường. Tuy nhiên, áp lực thanh khoản có thể xảy ra khi thị trường biến động tiêu cực. |
| <b>Yếu</b><br>(-2)                                             | Dễ bị tác động đáng kể bởi các điều kiện kinh doanh không thuận lợi so với trung bình ngành.                                                                                        | Các chỉ số an toàn vốn được điều chỉnh thấp hơn đáng kể so với trung bình ngành trong vòng 12 tháng tiếp theo                                                    | Khẩu vị cao với mức độ rủi ro tập trung có tính phức tạp đáng kể dẫn đến chất lượng tài sản yếu hơn so với trung bình ngành                                       | Khả năng huy động vốn và thanh khoản yếu hơn rõ rệt so với mức trung bình. Doanh nghiệp có khó khăn liên tục trong việc đảm bảo thanh khoản và đạt yêu cầu tuần thủ.                                                                                                                   |
| <b>Rất yếu</b><br>(-3 hoặc hơn)                                | Mốc XHTN cơ bản chưa phản ánh năng lực kinh doanh của ngân hàng, gần như không có khả năng chống chịu trước các điều kiện bất lợi.                                                  | Các chỉ số an toàn vốn được điều chỉnh thấp hơn nghiêm trọng so với mức tối thiểu theo luật và nếu không bơm vốn kịp thời, hoạt động trở nên không bền vững      | Năng lực quản trị rủi ro và chất lượng tài sản yếu hơn rất nhiều so với mức trung bình ngành và có thể có những lỗ hổng nghiêm trọng trong việc kiểm soát nội bộ. | Sự suy giảm niềm tin của thị trường vào ngân hàng dẫn đến khả năng thanh khoản không thể dự đoán được, có khả năng cao cần sự can thiệp (hỗ trợ thanh khoản) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.                                                                                          |

Vị thế kinh doanh dùng để đánh giá độ ổn định trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng so với ngành.

Vị thế kinh doanh của ngân hàng thể hiện độ ổn định tương đối của từng hoạt động kinh doanh và khả năng chống chọi với các điều kiện bất lợi. FiinRatings đánh giá vị thế kinh doanh tổng thể theo thang điểm gồm sáu bậc, từ “Rất tốt” đến “Rất yếu”, bằng cách kết hợp điểm của Mức độ ổn định kinh doanh và Mức độ đa dạng kinh doanh. Mức độ ổn định kinh doanh đánh giá khả năng duy trì các hoạt động kinh doanh khi đối mặt với các biến động của thị trường hoặc nền kinh tế, còn mức độ đa dạng sẽ giúp củng cố hoặc làm suy yếu triển vọng về mức độ ổn định kinh doanh.

Yếu tố về Ban lãnh đạo và Quản trị doanh nghiệp, nếu được đánh giá ở mức “Trung bình” hoặc “Yếu”, có thể giới hạn mức điểm trần của vị thế kinh doanh, tuy nhiên sẽ không làm ảnh hưởng tới đánh giá tổng thể. Đánh giá của FiinRatings về Ban lãnh đạo và Quản trị doanh nghiệp dựa trên hiểu biết của chúng tôi về mục tiêu, triết lý quản trị, và các chiến lược ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và tài chính của ngân hàng.

| Ma trận đánh giá Vị thế kinh doanh |                     |                     |                     |                     |                     |                 |              |
|------------------------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|-----------------|--------------|
| 1.2. Mức độ đa dạng                | 1.1. Mức độ ổn định |                     |                     |                     |                     |                 |              |
|                                    | Rất tốt             | Tốt                 | Phù hợp             | Trung bình          | Yếu                 | Rất yếu         |              |
|                                    | Tốt                 | Rất tốt/ Tốt        | Tốt                 | Tốt/ Phù hợp        | Phù hợp/ Trung bình | Trung bình/ Yếu | yếu/ Rất yếu |
|                                    | Phù hợp             | Tốt/ Phù hợp        | Tốt/ Phù hợp        | Phù hợp             | Trung bình          | Yếu             | Rất yếu      |
|                                    | Trung bình          | Tốt/ Phù hợp        | Phù hợp/ Trung bình | Phù hợp/ Trung bình | Trung bình          | Yếu             | Rất yếu      |
| Yếu                                | Phù hợp/ Trung bình | Phù hợp/ Trung bình | Trung bình/ Yếu     | Trung bình/ Yếu     | Yếu                 | Rất yếu         |              |

Quản trị điều hành

TốtPhù hợpTrung bìnhYếu

Hệ thống điều hành

Tích cựcTrung bìnhTiêu cực

1. Quy trình lập kế hoạch chiến lược

2. Sự nhất quán của chiến lược với khả năng tổ chức và điều kiện thị trường

3. Khả năng theo dõi, điều chỉnh và kiểm soát việc thực hiện chiến lược

4. Tính toàn diện của các tiêu chuẩn và quy trình quản lý rủi ro của tổ chức

5. Chính sách tài chính

6. Hiệu quả hoạt động

7. Hiệu năng hoạt động của ban lãnh đạo

8. Chuyên môn và kinh nghiệm của ban lãnh đạo

9. Quản trị bề rộng và bề sâu

Hệ thống quản trị

Trung bìnhTiêu cực

1. Hiệu năng của hội đồng quản trị/ hội đồng thành viên

2. Quyền sở hữu và kiểm soát

3. Văn hóa quản trị

4. Các vi phạm pháp luật, thuế và vấn đề pháp lý khác

5. Truyền thông nội bộ

6. Kiểm soát nội bộ

7. Chế độ báo cáo tài chính và tính minh bạch

Bước 2: Yếu tố nội tại: Hồ sơ vốn và Khả năng sinh lời

Hồ sơ vốn và Khả năng sinh lời (Capital & Earnings), đánh giá khả năng chống chịu của ngân hàng khi thua lỗ, giúp bảo vệ cho các chủ nợ sở hữu nghĩa vụ nợ ưu tiên (senior creditors) trong khi ngân hàng vẫn tiếp tục hoạt động. Quan điểm của chúng tôi về Hồ sơ vốn và Khả năng sinh lời đã xét đến dự phóng trong tương lai (forward looking).

| Hồ sơ vốn và Khả năng sinh lời |                            |            |                         |                         |
|--------------------------------|----------------------------|------------|-------------------------|-------------------------|
| Đánh giá Hồ sơ vốn             | Đánh giá Khả năng sinh lời |            |                         |                         |
|                                | Tốt                        | Phù hợp    | Trung bình              | Yếu                     |
| Rất tốt                        | Rất tốt                    | Rất tốt    | Rất tốt hoặc tốt        | Tốt hoặc phù hợp        |
| Tốt                            | Tốt                        | Tốt        | Tốt hoặc phù hợp        | Phù hợp                 |
| Phù hợp                        | Tốt hoặc phù hợp           | Phù hợp    | Phù hợp hoặc trung bình | Phù hợp hoặc trung bình |
| Trung bình                     | Phù hợp hoặc trung bình    | Trung bình | Trung bình              | Trung bình              |
| Yếu                            | Trung bình hoặc yếu        | Yếu        | Yếu                     | Yếu hoặc rất yếu        |
| Rất yếu                        | Yếu hoặc Rất yếu           | Rất yếu    | Rất yếu                 | Rất yếu                 |

**Hồ sơ vốn** thể hiện mức độ bảo vệ cho chủ nợ khi ngân hàng thua lỗ do rủi ro tín dụng và các rủi ro khác. Phân tích về mức độ an toàn vốn bao gồm việc đánh giá chất lượng và giá trị vốn, bộ đệm vốn so với mức an toàn vốn quy định, mức độ vốn điều chỉnh theo rủi ro và chính sách vốn của ban lãnh đạo. Phân tích cũng xem xét khả năng đòn bẩy dựa trên nhóm tài sản được ngân hàng tập trung cũng như triển vọng về chất lượng tài sản. Ngoài ra, chúng tôi có thể đánh giá mức đòn bẩy thuần của các ngân hàng (*không có hoặc có trọng số rủi ro hạn chế*), như một biện pháp bổ sung cho đánh giá tỷ lệ an toàn vốn được tính theo trọng số rủi ro (risk weighted). Khi chúng tôi dự phóng **mức an toàn vốn trong tương lai** của các ngân hàng, chúng tôi xem xét mức tiêu thụ vốn của tăng trưởng kinh doanh, tăng trưởng vốn hữu cơ thông qua lợi nhuận giữ lại, các kế hoạch tăng vốn có cơ sở từ các cổ đông, kế hoạch phát hành trái phiếu, khả năng xói mòn vốn từ rủi ro tín dụng quá cao, cũng như từ rủi ro thị trường và bất kỳ yếu tố nào khác có tác động đáng kể đến mức an toàn vốn.

**Khả năng sinh lời** là yếu tố quan trọng trong việc tạo ra tăng trưởng và giảm thiểu thua lỗ. Khả năng sinh lời cho biết khả năng của đơn vị khi định giá rủi ro dự kiến. Khả năng sinh lời tương ứng với mức độ rủi ro có thể giúp giảm thiểu rủi ro của ngân hàng. Ngoài ra, việc duy trì ổn định khả năng sinh lời sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực huy động vốn nợ và vốn chủ sở hữu. Tính ổn định và bền vững của thu nhập là đánh giá chính của yếu tố này. Chúng tôi cũng nhận định Khả năng sinh lời cần được xem xét cùng với yếu tố Chất lượng tài sản tại các ngân hàng. Ngân hàng có loại tài sản rủi ro hơn thường đi kèm với năng lực sinh lời tốt hơn, để bù lại mức rủi ro và làm dày bộ đệm vốn giúp hấp thụ thua lỗ. Trong quá trình phân tích đánh giá mức tín nhiệm của ngân hàng, FiinRatings tính toán và điều chỉnh lại các chỉ số, so sánh với lịch sử hoạt động của ngân hàng và với các ngân hàng cùng mô hình kinh doanh. Do đánh giá của FiinRatings mang tính hướng tới tương lai, nên khả năng sinh lời trong quá khứ sẽ chỉ là cơ sở để dự phóng khả năng sinh lời của ngân hàng.

**Vị thế rủi ro phản ánh đánh giá rủi ro mang tính toàn diện của chúng tôi, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:**

- **Chất lượng tài sản (hay còn gọi là rủi ro tín dụng), bao gồm:**
  - **Khẩu vị rủi ro**
  - **Quản trị rủi ro (Tiêu chuẩn cho vay và thẩm định, Kinh nghiệm xử lý tổn thất & Chiến lược khắc phục / giảm thiểu tổn thất)**
  - **Mức độ phức tạp của rủi ro (các rủi ro tiềm ẩn ngoại bảng, các rủi ro có thể phát sinh từ các bên liên quan) & Mức độ đa dạng (rủi ro tập trung, xu hướng nợ quá hạn, chi phí tín dụng, xóa sổ, thu hồi)**
- **Các yếu tố rủi ro phụ ngoài chất lượng tài sản, chẳng hạn như rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường**

**Yếu tố Chất lượng tài sản** đề cập đến chất lượng tín dụng của danh mục tài sản sinh lãi tại ngân hàng (các tài sản tài chính như các khoản cho vay và các khoản nắm giữ đầu tư trái phiếu) và khả năng duy trì hoạt động của các loại hình tài sản này. Nói cách khác, Yếu tố Chất lượng tài sản tập trung đến việc đánh giá mức độ rủi ro tín dụng của những tài sản tài chính của ngân hàng. Khi đối tượng vay hoặc tổ chức phát hành trái phiếu không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán được lãi vay, các tài sản tài chính liên quan này không còn khả năng sinh lời như dự tính, và chúng bị suy giảm giá trị và trở thành tài sản có vấn đề (nợ xấu, nợ có vấn đề, trái phiếu mất khả năng thanh toán). Nếu việc thanh toán không được thực hiện trong một thời hạn nhất định, thì các tài sản đó bắt buộc ghi nhận với giá trị thực thấp và bị loại bỏ khỏi bảng cân đối kế toán (hay xóa sổ), dẫn đến giảm vốn chủ sở hữu.

**Khi đánh giá chất lượng tài sản**, FiinRatings xem xét về công tác quản trị rủi ro của ngân hàng, bao gồm: chính sách và quy trình phê duyệt, thẩm định khoản vay, các cấp phê duyệt mức tín dụng, phân khúc khách hàng mục tiêu, và quy trình thu hồi nợ tại các ngân hàng. Năng lực về quản lý hệ thống thông tin nhằm quản lý rủi ro tín dụng và đưa ra chính sách để khắc phục / giảm thiểu tổn thất (thua lỗ) cũng được FiinRatings xem xét đánh giá. Bên cạnh đó, FiinRatings cũng xem xét chất lượng danh mục cho vay của ngân hàng qua việc đánh giá khẩu vị rủi ro, mức độ phức tạp và đa dạng của rủi ro. Tính đa dạng được đánh giá dựa trên đa dạng về địa bàn hoạt động, tỉ lệ trả chậm, và mức độ tài sản có vấn đề trong cơ cấu tài sản, chi phí tín dụng, chi phí xóa sổ nợ và tỉ lệ thu hồi.

**Các yếu tố khác** có thể tác động tiêu cực đến vị thế rủi ro: Lịch sử (tổn thất nghiêm trọng hơn trong các cuộc khủng hoảng kinh tế trước đó khi so với các ngân hàng cùng ngành, không có sự cải thiện đáng kể nào về khẩu vị rủi ro của ban lãnh đạo và về cách tiếp cận kiểm soát rủi ro sau đó), Sự tồn tại của các rủi ro quan trọng khác (rủi ro rửa tiền, rủi ro ngoại hối, rủi ro lãi suất)

Nguồn vốn và thanh khoản đánh giá khả huy động vốn cùng với khả năng duy trì thanh khoản trong cả điều kiện bình thường và các giai đoạn khó khăn của ngân hàng.

Phân tích Nguồn vốn và thanh khoản dựa trên việc phân tích khả năng quản trị để cân đối giữa thời hạn của nguồn vốn và việc sử dụng vốn. Do các ngân hàng không thể tránh khỏi sự bất cân xứng nhất định giữa tài sản và nợ, cách các ngân hàng quản lý rủi ro cố hữu này (trong giai đoạn bình thường và trong giai đoạn khó khăn) được đưa vào đánh giá của chúng tôi. Đánh giá về Nguồn vốn bao gồm xem xét về sức khỏe và tính ổn định của nguồn vốn tại ngân hàng so với mức trung bình ngành. Phân tích tính thanh khoản thường xem xét khả năng của ngân hàng trong việc đáp ứng nhu cầu thanh khoản của mình trong điều kiện kinh tế và thị trường bất lợi.

| Nguồn vốn và thanh khoản |                  |                      |                      |                  |
|--------------------------|------------------|----------------------|----------------------|------------------|
| Nguồn vốn                | Tính thanh khoản |                      |                      |                  |
|                          | Tốt              | Phù hợp              | Trung bình           | Yếu              |
| Tốt                      | Tốt              | Tốt / Phù hợp        | Phù hợp / Trung bình | Trung bình / Yếu |
| Phù hợp                  | Tốt / Phù hợp    | Phù hợp              | Phù hợp / Trung bình | Yếu / Rất yếu    |
| Trung bình               | Phù hợp          | Phù hợp / Trung bình | Trung bình / Yếu     | Yếu / Rất yếu    |
| Yếu                      | Trung bình       | Trung bình / Yếu     | Trung bình / Yếu     | Yếu / Rất yếu    |

| Tiêu chí Đánh giá                                 | Tích cực                                                                        | Tiêu cực                                                                                                        |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tính ổn định và đa dạng của nguồn vốn             | Ổn định và đa dạng hơn so với các ngân hàng khác                                | Bất ổn định và yếu đa dạng hơn so với các ngân hàng khác                                                        |
| Mức độ bị tác động bởi niềm tin của nguồn vốn     | Ít bị tác động hơn so với các ngân hàng khác                                    | Phụ thuộc vào nguồn vốn nhạy cảm về giá                                                                         |
| Khả năng tiếp cận nguồn vốn vay ngân hàng         | Có khả năng tiếp cận được nguồn vốn của ngân hàng và vốn liên ngân hàng ổn định | Không tiếp cận được nguồn vốn ổn định từ ngân hàng / Phụ thuộc quá mức vào nguồn vốn bán buôn                   |
| Tính chất phù hợp của nguồn vốn với Hồ sơ tài sản | Phù hợp                                                                         | Không phù hợp dẫn đến bất cân xứng giữa tài sản và nợ                                                           |
| Rủi ro tái cấp vốn                                | Không có                                                                        | Rủi ro tái cấp vốn đáng kể trong tương lai gần                                                                  |
| Khả năng thanh khoản                              | Tốt hơn so với các ngân hàng khác                                               | yếu hơn so với các ngân hàng khác và đôi khi có nhu cầu lớn bất thường và ngắn hạn về vốn để bù đắp thanh khoản |

**Phân tích so sánh tương quan là yếu tố phân tích cuối cùng trong phương pháp luận quyết định điểm XHTN cơ bản cho một ngân hàng. Yếu tố này xem xét chất lượng tín dụng tổng thể và vị thế của ngân hàng so với các ngân hàng khác cùng ngành / cùng mô hình kinh doanh (peers).**

Phân tích so sánh tương quan có thể làm tăng hoặc giảm mốc XHTN đơn lẻ (SACP), dựa trên phân tích tổng quan của chúng tôi về đặc điểm tín dụng qua các tiêu chí được xem xét để đưa ra điểm XHTN đơn lẻ. Điều này liên quan đến việc đưa ra đánh giá tổng quát về hồ sơ tín dụng độc lập của ngân hàng, trong đó chúng tôi đánh giá các đặc điểm tín dụng một cách tổng thể và cân nhắc bất kỳ yếu tố nào chưa được đề cập. Đánh giá ở mức tích cực có thể nâng mức điểm xếp hạng và đánh giá tiêu cực có thể dẫn đến việc hạ mức tín nhiệm so với mốc XHTN cơ bản. Việc ứng dụng phân tích xếp hạng tương quan phản ánh nhu cầu tinh chỉnh kết quả xếp hạng, sau khi đã xem xét các yếu tố điều chỉnh khác. Một đánh giá tích cực hoặc tiêu cực thường hiếm khi xảy ra. Điểm XHTN đơn lẻ có thể được tăng hoặc giảm một bậc trong hầu hết các trường hợp đánh giá tích cực hoặc tiêu cực xảy ra.

Nhìn chung, chúng tôi so sánh các ngân hàng có mô hình kinh doanh và địa bàn kinh doanh tương đồng. Cụ thể hơn, nhóm được so sánh tương quan sẽ là các ngân hàng có mức điểm XHTN đơn lẻ gần tương đương (có thể chênh lệch một bậc). Tuy nhiên nhóm cùng ngành được xét có thể bao gồm các ngân hàng khác, ví dụ như:

- Nhóm được so sánh tương quan có thể bao gồm các Ngân hàng tại Việt Nam với XHTN đơn lẻ gần với mốc xếp hạng của ngành ngân hàng.

## Bước 3: Yếu tố bên ngoài

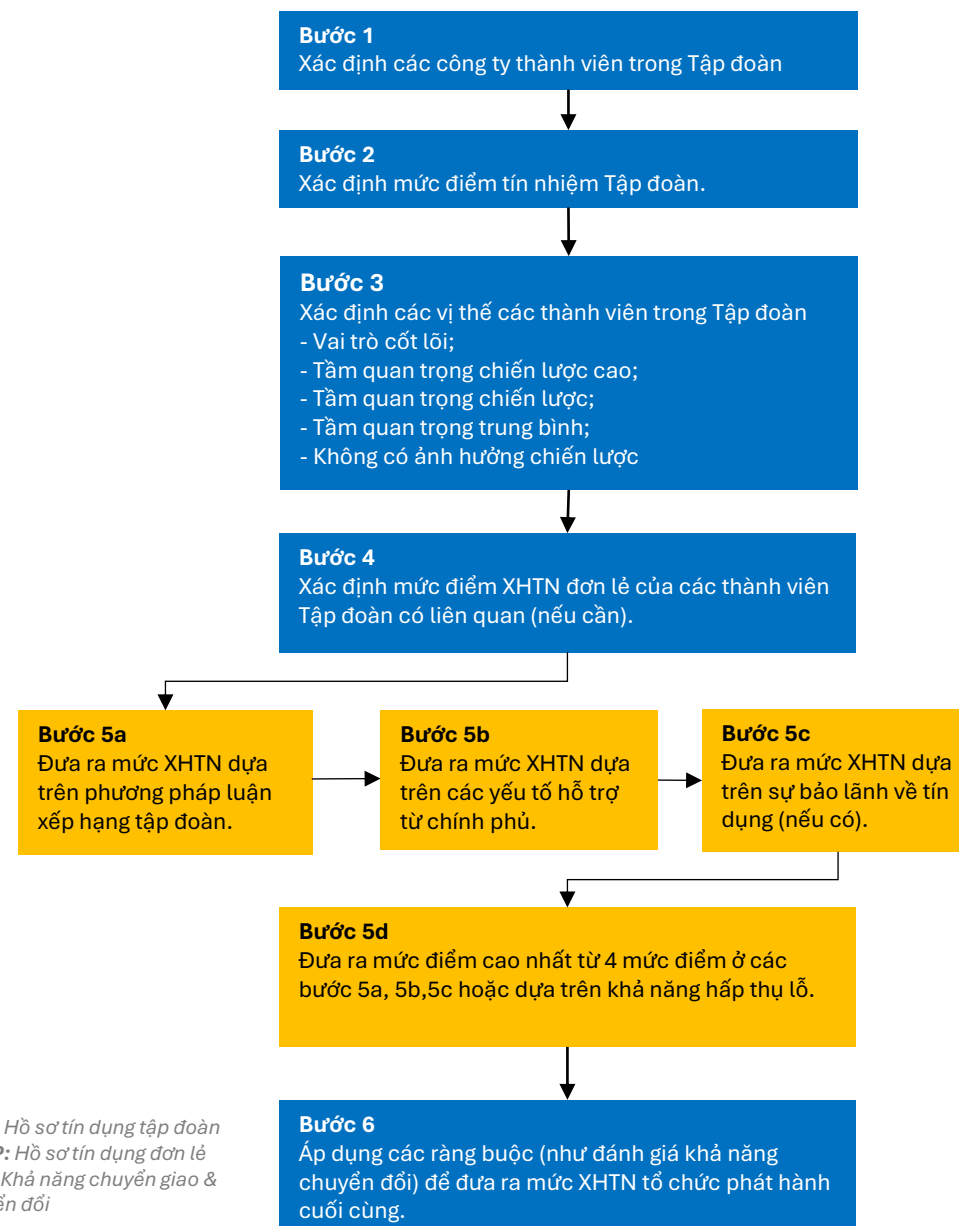
Sau khi đưa ra điểm XHTN đơn lẻ, FiinRatings cân nhắc các ảnh hưởng từ các yếu tố bên ngoài lên một ngân hàng để đưa ra mức điểm XHTN tổ chức phát hành.

Bước này nhằm giải quyết một phần quan trọng liên quan đến các yếu tố hỗ trợ bên ngoài trong khung phương pháp luận, Một trong những yếu tố ảnh hưởng đến xếp hạng đó là khả năng nhận hỗ trợ (hoặc tác động tiêu cực) từ Công ty mẹ hoặc Tập đoàn (nếu có).

Ảnh hưởng của Tập đoàn / Công ty mẹ có thể xuất hiện dưới hai hình thức: ảnh hưởng liên tục (ongoing) hoặc ảnh hưởng đặc biệt (extraordinary). XHTN đơn lẻ của các định chế tài chính thường kết hợp ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực liên tục của nhóm, nhưng không phản ánh tác động tích cực hoặc tiêu cực mà nhóm có thể có trong một kịch bản khủng hoảng đặc biệt. Hỗ trợ liên tục thường đề cập đến các hoạt động của Tập đoàn / Công ty mẹ tác động đến hoạt động hàng ngày của tổ chức phát hành và do đó thường được vào đánh giá XHTN đơn lẻ của tổ chức, phản ánh trong đánh giá của chúng tôi về bốn yếu tố nội tại của tổ chức.

Khi đánh giá khả năng tác động bên ngoài (đặc biệt), chúng tôi có thể xem xét tầm quan trọng của định chế được xếp hạng đối với Tập đoàn / Công ty mẹ. Đánh giá thường có thể bao gồm hai nhóm yếu tố: (i) nghĩa vụ đạo đức (mong muốn của Công ty mẹ / Tập đoàn trong việc hỗ trợ) và (ii) liên kết kinh tế (khả năng cung cấp hỗ trợ của Công ty mẹ / Tập đoàn).

## 2. Phương pháp luận xếp hạng tín nhiệm A. Xếp hạng tổ chức phát hành



# Nội dung



## 2. Phương pháp luận

Xếp hạng Công cụ nợ



**FiinRatings®**  
ENLIGHTEN THE MARKET

**XHTN Công cụ nợ chỉ có thể được thực hiện sau khi đã có điểm XHTN của Doanh nghiệp hay Định chế tài chính.**

- **XHTN tổ chức phát hành:** Đánh giá xác suất trả nợ – khả năng và sự sẵn sàng của tổ chức phát hành trong việc đáp ứng các cam kết tài chính theo các điều khoản của công cụ nợ.
- **XHTN Công cụ nợ:** Mức điểm cụ thể cho một công cụ tài chính (ví dụ: trái phiếu doanh nghiệp, các công cụ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm)

## Khung xếp hạng tín nhiệm

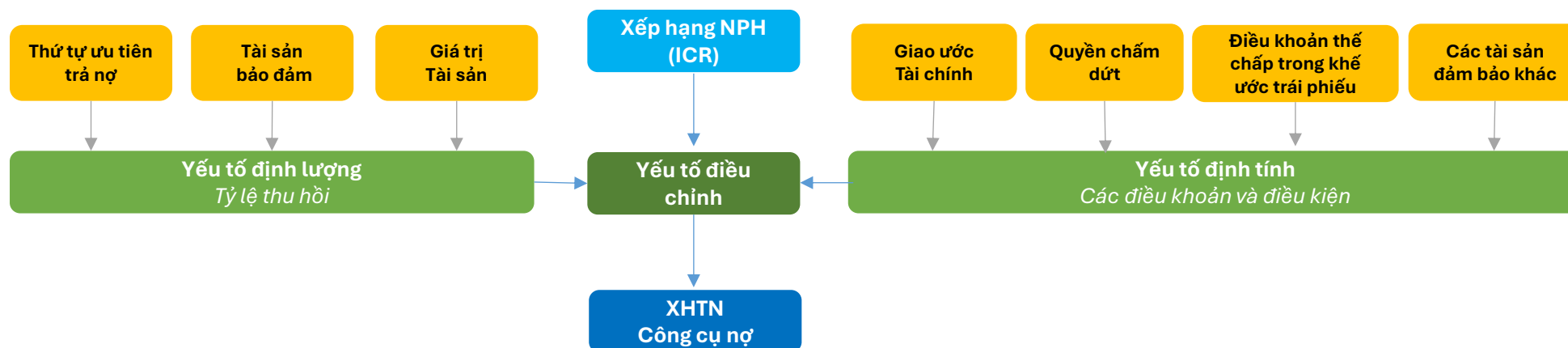
Xếp hạng tín nhiệm Công cụ nợ dựa trên phân tích của FiiRatings về những điểm sau, với mỗi điểm có mức ảnh hưởng khác nhau:

- Bản chất và các điều khoản của công cụ nợ, cũng như các cam kết liên quan; và
- Mức độ bảo vệ và thứ tự bảo vệ của công cụ nợ đối với nhà đầu tư trong trường hợp phá sản, tái cơ cấu, hoặc các diễn biến khác xảy ra theo luật phá sản và các luật khác ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của chủ nợ/nhà đầu tư.

Xếp hạng Công cụ nợ / Trái phiếu là đánh giá rủi ro mất khả năng thanh toán (default risk) của công cụ hay trái phiếu đó, nhưng sẽ kết hợp thêm đánh giá thứ tự nợ và/hoặc khả năng thu hồi trong trường hợp không đáp ứng được nghĩa vụ nợ. Nợ thứ cấp (junior obligation) thường được xếp hạng thấp hơn nợ ưu tiên (senior obligation), để phản ánh mức độ ưu tiên thấp hơn về thu hồi nợ sau phá sản.

- Cũng cần lưu ý rằng sự phân biệt trên sẽ chỉ được áp dụng khi một thực thể sở hữu cả nợ ưu tiên và nợ thứ cấp, nợ được bảo đảm và không được bảo đảm, hoặc nợ của công ty con và công ty mẹ, và những vấn đề này có ảnh hưởng trọng yếu đến tổn thất mà chủ nợ/nhà đầu tư của các loại nợ khác nhau có thể phải gánh chịu khi tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán).

Xếp hạng Công cụ nợ / Trái phiếu doanh nghiệp sẽ được tăng hoặc giảm bậc từ xếp hạng tổ chức phát hành, dựa trên các yếu tố sau để ra được điểm xếp hạng Công cụ nợ cuối cùng.



# Nội dung

## 3. Các Tiêu chí Định lượng chính



**FiiRatings®**

ENLIGHTEN THE MARKET

**Bảng dưới đây minh họa các chỉ số chính mà FiinRatings sử dụng khi đánh giá tín nhiệm của một ngân hàng. Lưu ý rằng đây không phải các chỉ số duy nhất mà chúng tôi sử dụng trong suốt quá trình xếp hạng.**

|                                                       |                                                                             |                                        |                                                                 |
|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| <b>Chỉ số Vị thế kinh doanh</b>                       | Tổng tài sản và tăng trưởng hàng năm                                        | <b>Chỉ số chất lượng tài sản</b>       | Tỉ lệ nợ xấu (theo báo cáo và được điều chỉnh)                  |
|                                                       | Tổng cho vay Khách hàng gộp và tăng trưởng hàng năm                         |                                        | Tỷ lệ nợ có vấn đề (bao gồm Nợ cần chú ý)                       |
|                                                       | Thu nhập từ hoạt động kinh doanh và tăng trưởng hàng năm                    |                                        | Dự phòng lỗ cho khoản vay / Tổng cho vay Khách hàng gộp         |
|                                                       | Thu nhập ròng và tăng trưởng hàng năm                                       |                                        | Dự phòng lỗ cho khoản vay / (Nợ xấu + Nợ cần chú ý)             |
|                                                       | Thu nhập từ thu phí và hoa hồng / Thu nhập từ hoạt động kinh doanh          |                                        | Tỷ lệ bao phủ nợ xấu                                            |
| <b>Chỉ số nguồn vốn, đòn bẩy và Khả năng sinh lời</b> | Tỉ lệ an toàn vốn báo cáo theo quy định                                     | <b>Chỉ số Nguồn vốn và thanh khoản</b> | Tỷ lệ xóa sổ nợ xấu / Trung bình tổng cho vay gộp               |
|                                                       | Tỉ lệ an toàn vốn điều chỉnh bởi FiinRatings                                |                                        | Tỷ lệ phụ thuộc vào nguồn vốn bán buôn (Wholesale funding)      |
|                                                       | Biên lãi ròng (NIM) điều chỉnh bởi FiinRatings                              |                                        | Tỷ lệ nguồn vốn ổn định (Stable funding)                        |
|                                                       | Tỉ lệ chi phí trên thu nhập (CIR)                                           |                                        | Dư nợ cho vay ròng / Tổng tiền gửi (LDR)                        |
|                                                       | Tài sản dự phòng / Lợi nhuận hoạt động trước dự phòng                       |                                        | Tỷ lệ chi phí vốn bình quân (ước tính) (Average Financing Cost) |
|                                                       | Nợ dự phòng / Trung bình tổng cho vay gộp                                   |                                        | Tỷ lệ nguồn vốn dài hạn (Long term Funding)                     |
|                                                       | Lợi nhuận trên trung bình tài sản; Lợi nhuận trên trung bình vốn chủ sở hữu |                                        | Tỷ lệ tiền gửi của khách hàng cá nhân / Tổng tiền gửi           |
|                                                       | Tỉ lệ số ngày lãi và phí phải thu                                           |                                        | Tỷ lệ tài sản thanh khoản cao (Broad Liquid Asset)              |

Nguồn: FiinRatings

Lưu ý: Bảng trên liệt kê một vài trong số các chỉ số trọng yếu mà FiinRatings có thể sử dụng để phân tích các ngân hàng. Các chỉ số trên có thể không áp dụng cho tất cả các ngân hàng và không phải là những chỉ số duy nhất được sử dụng. Các yếu tố ngoài các chỉ số liệt kê trên đây có thể đóng vai trò quan trọng trong quá trình xếp hạng, và tầm quan trọng của chúng có thể thay đổi dựa vào tình hình cụ thể của từng ngân hàng. Do đó, xuyên suốt quy trình xếp hạng tín nhiệm, FiinRatings thường kết hợp thêm các đánh giá định tính tập trung vào rủi ro.



Đối tác Chiến lược của

S&P Global

## Liên hệ với chúng tôi

**Email:** [support.fiinratings@fiingroup.vn](mailto:support.fiinratings@fiingroup.vn)

### Trụ sở chính

Tầng 10, Tòa nhà Peakview,  
36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa,  
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

**Tel:** +84 24 3562 6962

**Email:** [support.fiinratings@fiingroup.vn](mailto:support.fiinratings@fiingroup.vn)

### Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 16, Tòa nhà Bitexco Financial,  
2 Hải Triều, Phường Bến Nghé,  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Tel:** +84 329 813 686

**Email:** [support.fiinratings@fiingroup.vn](mailto:support.fiinratings@fiingroup.vn)



*Tài liệu này được soạn thảo bởi Công ty Cổ phần FiinRatings chỉ sử dụng cho mục đích tham khảo. Đây không phải là Báo cáo xếp hạng tín nhiệm và không khuyến nghị mua, bán hoặc nắm giữ bất kỳ cổ phiếu nào hoặc bất kỳ giao dịch cụ thể nào khác. Thông tin trong Báo cáo này, bao gồm dữ liệu, số liệu, bảng, phân tích và nhận xét của FiinRatings, chỉ được sử dụng để tham khảo theo quyết định của riêng bạn. FiinRatings sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ tổn thất hoặc hậu quả nào có thể xảy ra do việc sử dụng thông tin trong báo cáo này. FiinRatings giữ bản quyền đối với báo cáo này và toàn bộ nội dung trong Báo cáo này. Báo cáo này được bảo hộ bản quyền theo pháp luật về quyền tác giả của Việt Nam và các nước theo các công ước, điều ước quốc tế về quyền tác giả mà Việt Nam là thành viên.*